CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Cảng Cần Thơ

Ngày 31/03/2025	10,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	**4.1%**	-

DT thuần *Q1/25*
33.0 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼12.0| -26.6%
YoY: ▼1.60| -4.6%

LN thuần *Q1/25*
1.12 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼0.83| -42.7%
YoY: ▲ 0.37| 49.1%

LN sau thuế *Q1/25*
2.40 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 1.87| 354%
YoY: ▲ 1.65| 221%

Tỷ suất lãi EBIT *Q1/25*
8.0%
YoY: +/-▲ 4.0%

ROE (TTM) *Q1/25*
2.0%
YoY: +/-▲ 0.6%

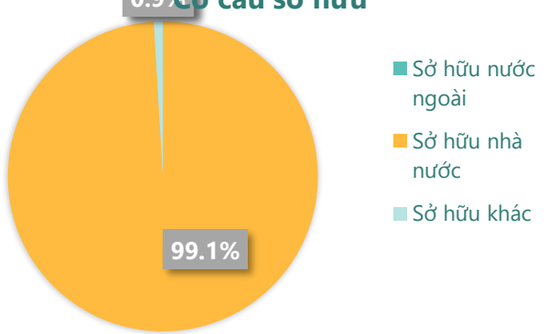
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	6,600 - 22,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	290
Số lượng CPLH (CP)	28,480,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	160
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.23
EPS	186
P/E	54.8

DT thuần *2024*
156 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 9.00| 6.1%

LN thuần *2024*
6.23 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 1.61| 34.7%

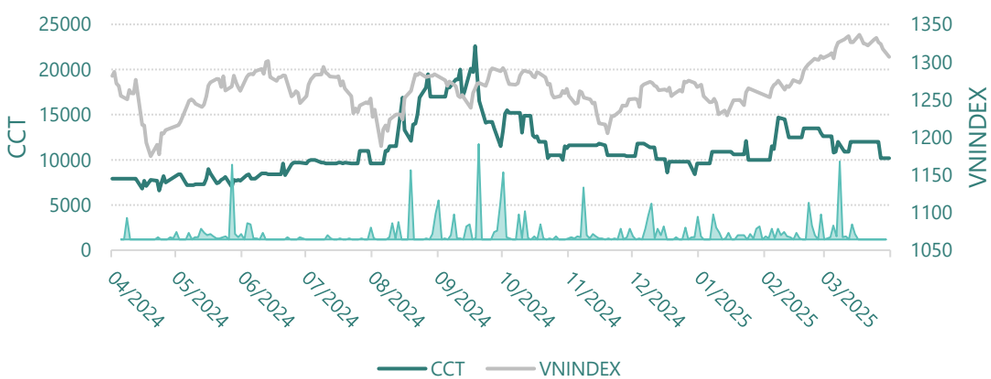
LN sau thuế *2024*
3.65 *tỷ VNĐ*
YoY: ▼2.80| -43.4%

Cơ cấu sở hữu

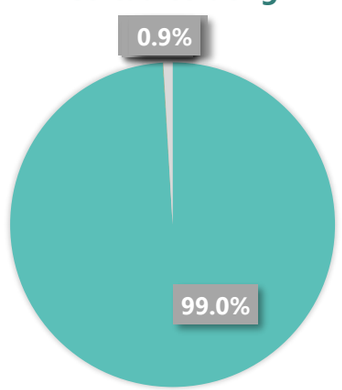


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

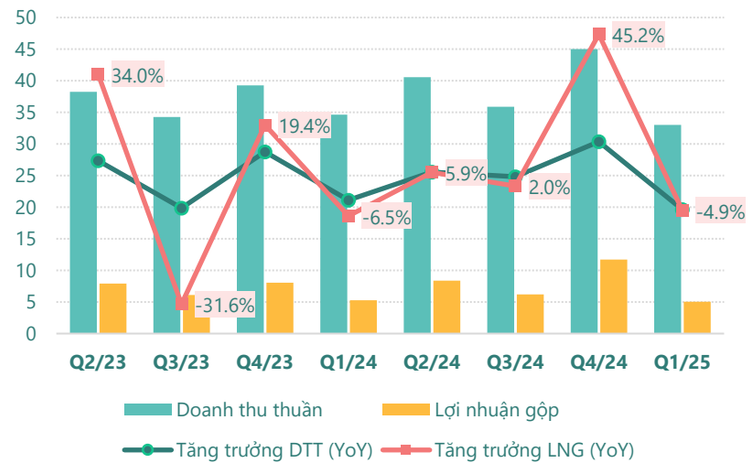


- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP
- Phan Công Đức
- Tạ khả Duy
- Lâm Trúc Sơn (Kế toán trưởng)
- Lê Tiến Công (Phó Tổng giám đốc)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

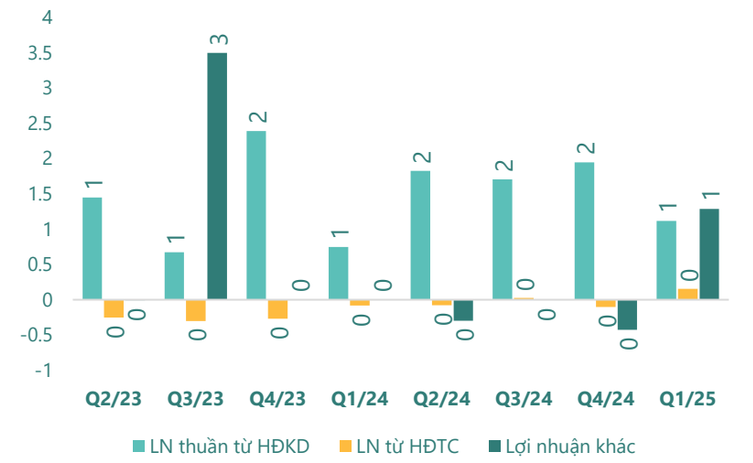
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



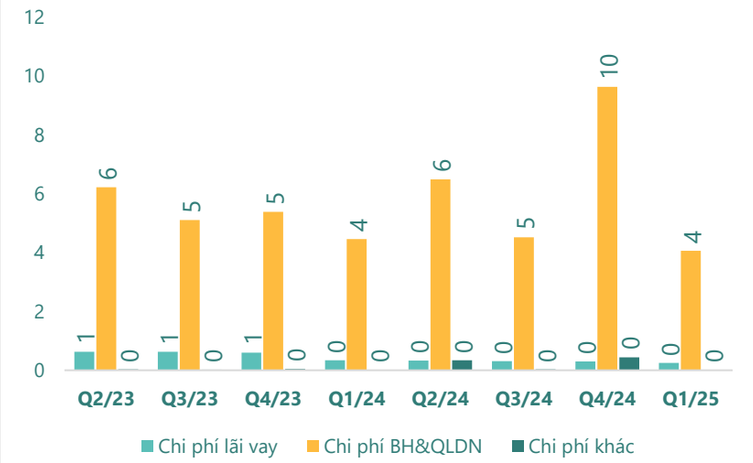
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



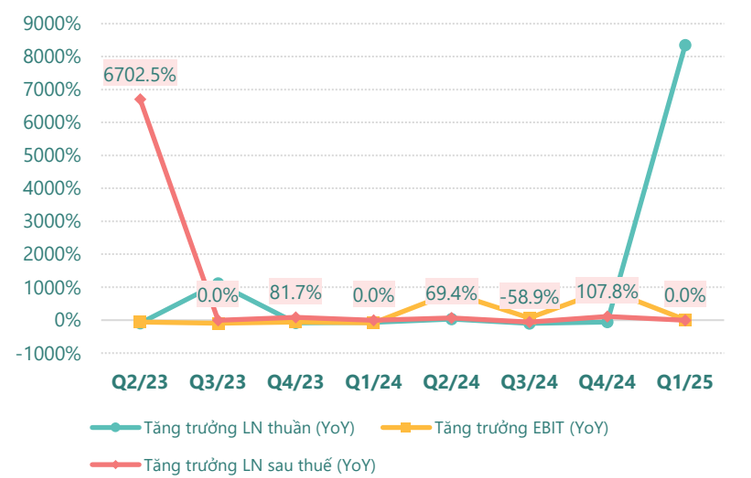
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



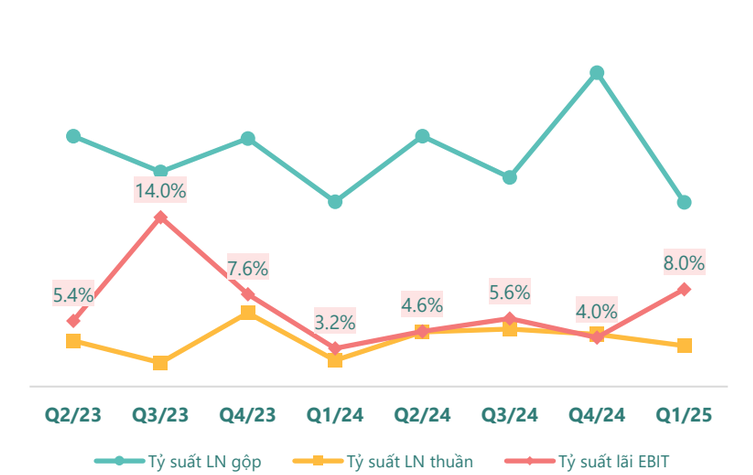
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



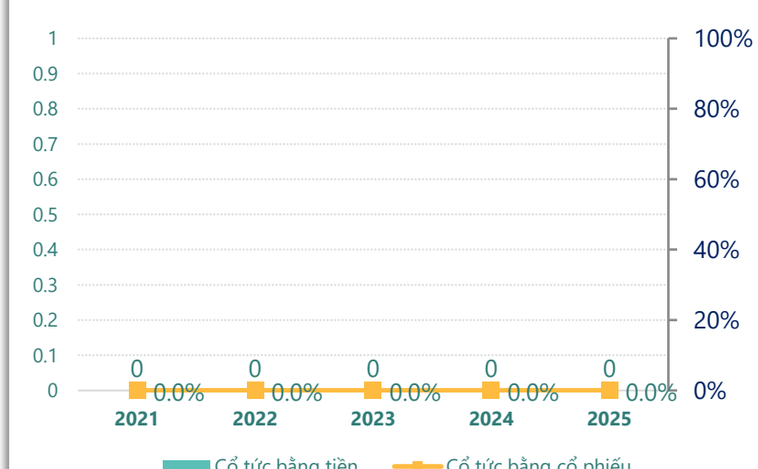
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

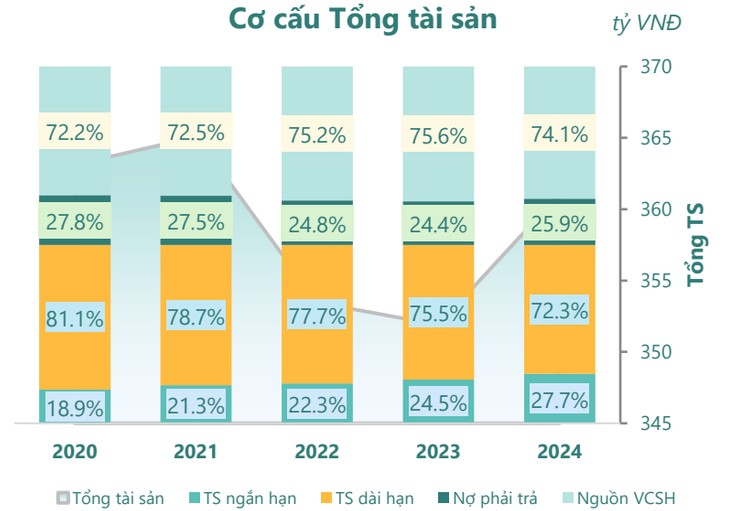
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

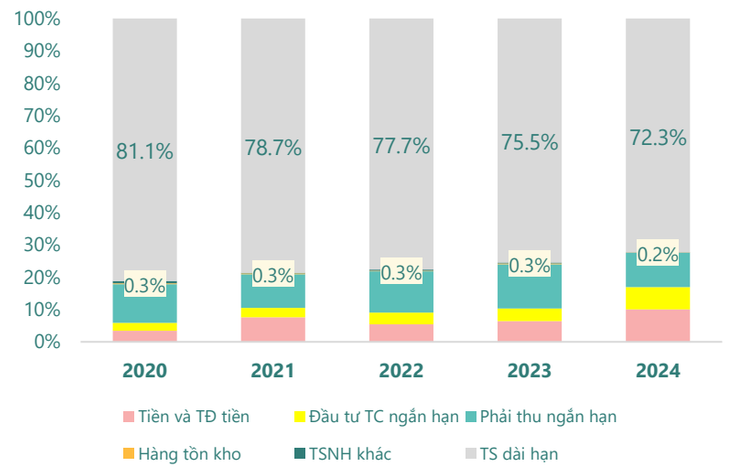
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



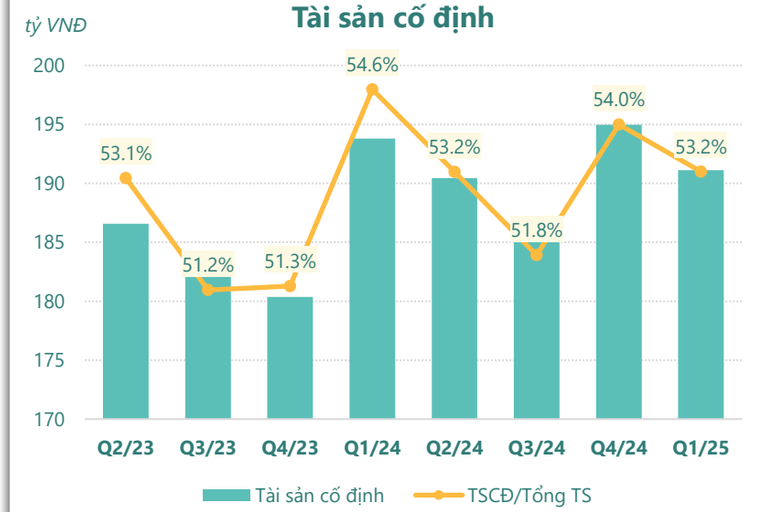
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



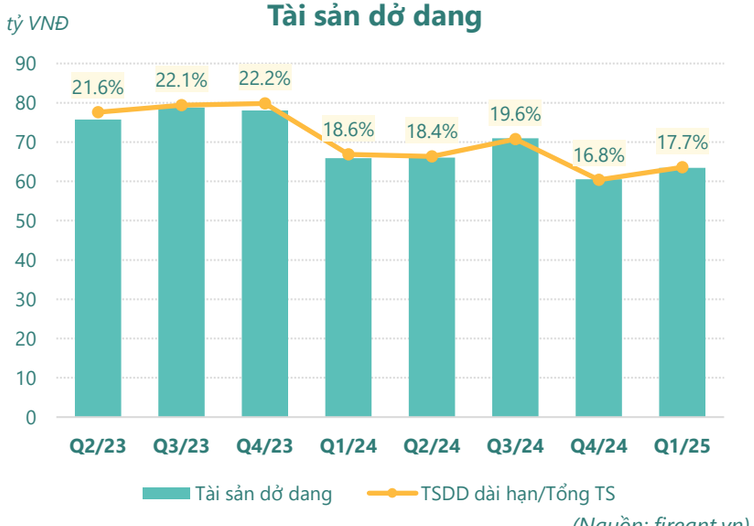
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



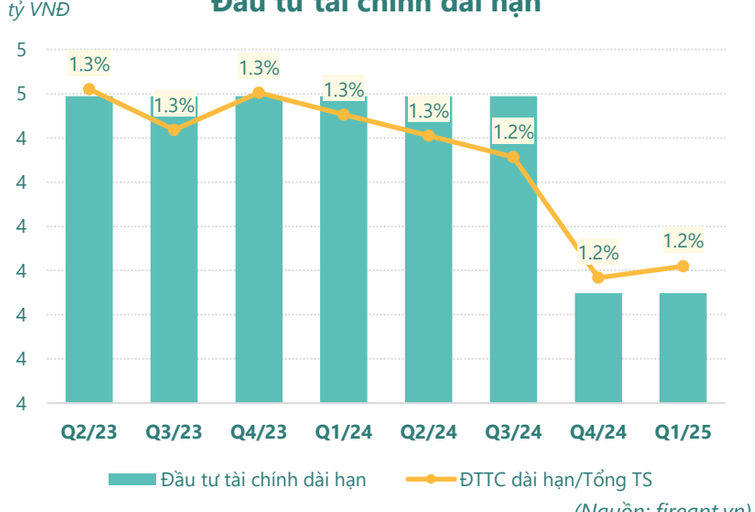
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



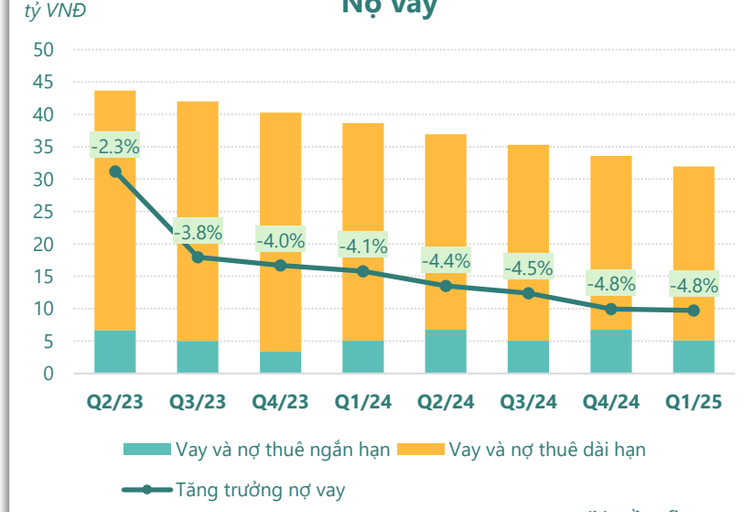
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

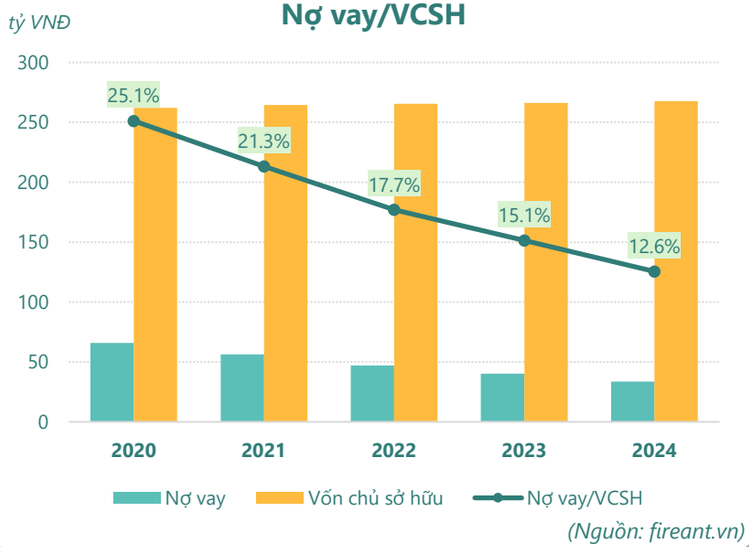
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

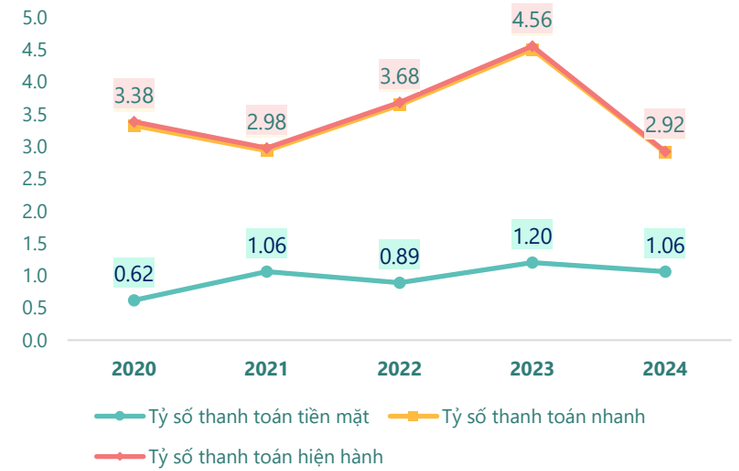
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



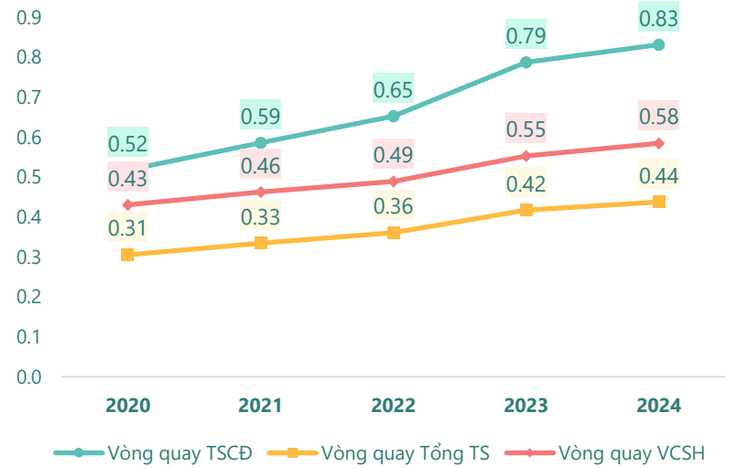
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



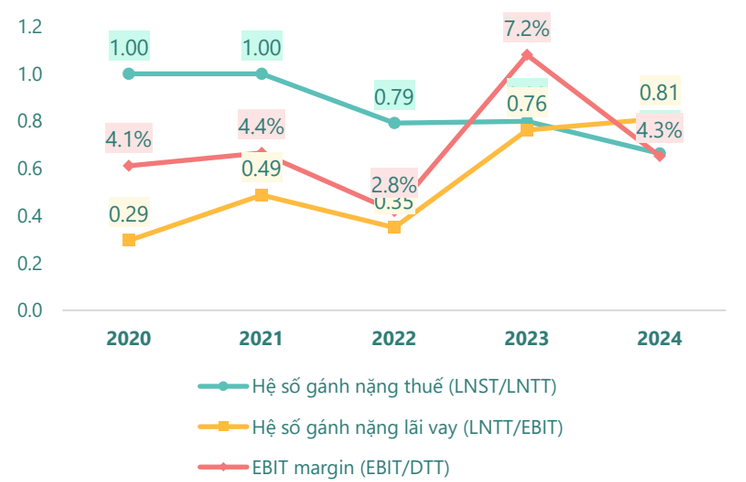
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



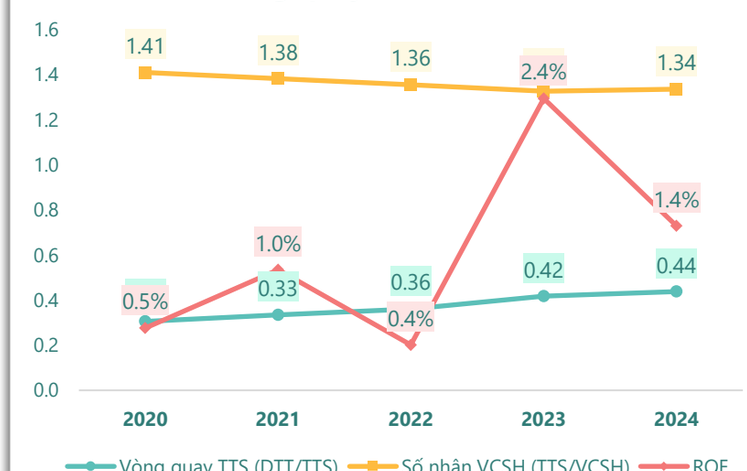
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



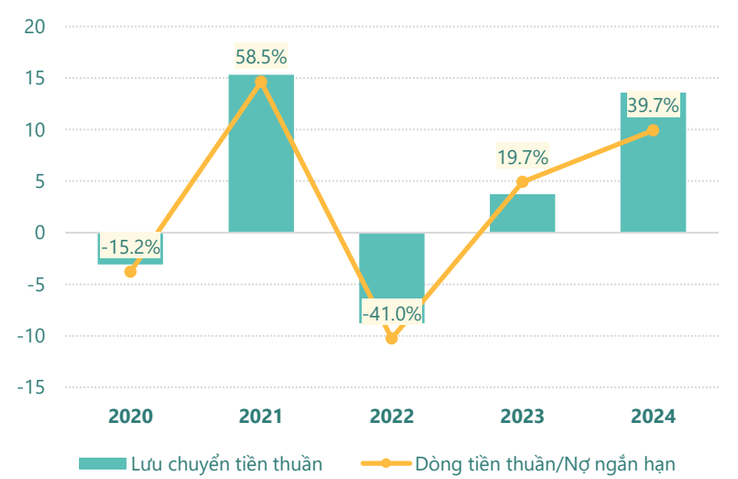
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**33.0**	**34.6**	**-4.6%**	**156**	**147**	**6.1%**
Giá vốn hàng bán	28.0	29.4	-4.8%	125	119	4.3%
Lợi nhuận gộp	5.03	5.29	-4.9%	31.6	27.7	14.0%
Doanh thu HĐTC	0.40	0.26	55.6%	1.27	1.32	-3.9%
Chi phí TC	0.25	0.34	-26.3%	1.51	2.52	-40.2%
Chi phí lãi vay	0.25	0.34	-26.3%	1.28	2.52	-49.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.10	0.12	-16.7%	0.41	0.67	-38.9%
Chi phí QLDN	**3.97**	**4.34**	**-8.6%**	**24.7**	**21.2**	**16.4%**
LN thuần từ HĐKD	1.12	0.75	49.1%	6.23	4.62	34.7%
Lợi nhuận khác	**1.29**	**0.00**		**-0.73**	**3.45**	**-121%**
LN trước thuế	2.40	0.75	221%	5.50	8.07	-31.8%
Lợi nhuận sau thuế	**2.40**	**0.75**	**221%**	**3.65**	**6.45**	**-43.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.40**	**0.75**	**221%**	**3.65**	**6.45**	**-43.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-6.15	12.9	8.92	16.1	4.64	7.23
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.14	-5.98	-0.89	-13.8	-1.54	-11.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.68	-1.65	-1.70	-1.66	-1.70	-1.62
Tiền đầu kỳ	30.7	22.8	28.0	34.3	35.0	36.4
Lưu chuyển tiền thuần	**-7.97**	**5.24**	**6.33**	**0.62**	**1.41**	**-5.86**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	22.7	28.0	34.3	35.0	36.4	30.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**359**	**361**	**-0.5%**
Tài sản ngắn hạn	98.3	100	-1.8%
Tiền và tương đương tiền	30.5	36.4	-16.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	35.4	24.9	42.3%
Phải thu ngắn hạn	30.8	38.0	-18.8%
Hàng tồn kho	0.50	0.56	-11.2%
Tài sản ngắn hạn khác	1.07	0.33	227%
Tài sản dài hạn	**261**	**261**	**0.0%**
Phải thu dài hạn	0.07	0.07	0.0%
Tài sản cố định	191	195	-2.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	63.5	60.6	4.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	4.27	4.27	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**1.99**	**1.06**	**87.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	89.3	93.5	-4.5%
Nợ ngắn hạn	**29.7**	**34.3**	**-13.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5.10	6.72	-24.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	13.9	17.0	-18.5%
Nợ dài hạn	59.6	59.2	0.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	26.9	26.9	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**270**	**268**	**0.9%**
Vốn chủ sở hữu	**270**	**268**	**0.9%**
Vốn điều lệ	275	275	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)